

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0672014 - Cơ lý thuyết 1

STC : 2(30,0,0,0,0,0)

Lần thi : 2

Lớp :

Năm học : 2013-2014

Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Trần Công	Vinh	3671030458	10/03/1994	7,00	5,50	6,00	
2	Nguyễn Đình	Tuân	3672050891	23/09/1993	5,00	3,50	4,00	
3	Trần Bình	Trọng	3672051854	15/05/1994	6,00	4,00	4,60	
4	Lê Văn	Khoa	3771020018	08/08/1995	,00	,00	,00	CT
5	Nguyễn Thành	Long	3771020020	14/11/1994	1,00	,00	,30	
6	Ngô Văn	Kỳ	3771020024	20/03/1995	,00	,00	,00	CT
7	Trần Hồng	Tím	3771020032	02/01/1994	,10	2,50	1,80	
8	Phan Đức	Tú	3771020048	28/02/1994	1,00	9,50	7,00	
9	Võ Văn	Cường	3771020050	17/11/1995	3,00	,00	,90	
10	Võ Hữu	Tài	3771020062	09/12/1994	2,00	,00	,60	
11	Trương Chí	Tâm	3771020063	12/12/1995	3,50	8,50	7,00	
12	Nguyễn Đình	Lâm	3771020070	18/11/1994	5,00	1,50	2,60	
13	Nguyễn Minh	Tâm	3771020083	29/09/1995	1,00	2,50	2,10	
14	Nguyễn Văn	Quý	3771020090	01/11/1994	2,00	5,00	4,10	
15	Lê Quốc	Bình	3771020114	06/08/1995	2,00	8,50	6,60	
16	Nguyễn Dương Thế	Bảo	3771020121	05/10/1995	,00	,00	,00	CT
17	Đỗ Đình	Khiêm	3771020126	07/10/1995	1,00	,00	,30	
18	Võ Trọng	Nghĩa	3771020127	15/06/1995	2,00	2,00	2,00	
19	Trần Quốc	Thành	3771020130	20/04/1995	1,00	6,00	4,50	
20	Nguyễn Hữu	Nghĩa	3771020135	12/11/1995	1,00	2,50	2,10	
21	Nguyễn Chí	Công	3771020136	21/04/1991	2,00	8,30	6,40	
22	Nguyễn Xuân	Vang	3771020150	18/08/1995	2,00	5,00	4,10	
23	Lưu	Hòa	3771020165	08/01/1995	3,00	5,80	5,00	
24	Nguyễn Văn	Quảng	3771020168	17/08/1995	3,00	9,00	7,20	
25	Huỳnh Quang	Tạo	3771020171	11/04/1995	2,00	6,30	5,00	
26	Trịnh Viết	Hồng	3771020188	11/06/1994	1,00	6,00	4,50	
27	Cao Văn	Tuyến	3771020192	06/06/1995	3,00	,00	,90	
28	Nguyễn Văn	Tú	3771020198	16/02/1995	2,00	1,00	1,30	
29	Lê Hoàng	Vũ	3771020213	20/04/1993	3,00	2,50	2,70	
30	Nguyễn Xuân	Giáp	3771020223	11/02/1994	3,00	3,00	3,00	
31	Hồ Thanh	Tâm	3771020227	20/10/1994	4,00	1,00	1,90	
32	Hồ Phúc Như	Ý	3771020235	27/12/1995	3,00	5,00	4,40	
33	Lê Minh	Triết	3771020239	14/11/1995	2,00	2,50	2,40	
34	Trần Thanh	Huy	3771020260	21/03/1995	3,00	5,00	4,40	
35	Phan Ngọc	Phụng	3771020284	27/02/1994	3,00	1,00	1,60	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Huỳnh Xuân	Dương	3771020291	20/11/1995	2,00	6,00	4,80	
37	Từ Thiện	Tâm	3771020307	22/10/1994	4,00	1,00	1,90	
38	Lý Hoàng	Phú	3771020314	22/11/1994	,00	,00	,00	CT
39	Lương Thanh	Sang	3771020332	10/11/1995	5,00	5,80	5,60	
40	Nguyễn Đức	Tài	3771021067	01/07/1995	2,00	1,50	1,70	
41	Phạm Thế	Kỳ	3771021114	08/10/1995	2,00	3,50	3,10	
42	Đào Hữu	Nghĩa	3771021123	10/10/1995	1,00	2,00	1,70	
43	Mai Hữu	Thuận	3771021141	15/02/1995	2,00	4,00	3,40	

Tổng số : SV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 04 năm 2014

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)